

Số: 100/2020/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 31 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 174/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm: 1984.

Nơi ĐKKHKT: Đội c, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Chỗ ở hiện nay: Bản L, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên

2. Bị đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Đội c, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lò Thị T và anh Trần Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Trần Văn M thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 chung là Trần Văn Đ, sinh ngày 20/8/2007 và Trần Thị Huyền A, sinh ngày 11/9/2014 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về quan hệ tài sản: Tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không có.

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000 đồng án phí DSST, nhưng chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003460, ngày 02/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị T đã nộp đủ án phí DSST và được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện DB;
- Chi cục THADS huyện Đ.B;
- UBND xã **N**;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Thùy Dương